TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2024
V/V tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Lê Văn Tánh**.
2. Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh ngày 10/02/1987;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Tạ Kim T**, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Trần Thanh T "Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2023"; (có mặt)

2/ Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh T có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T trình bày:* Do quen biết nhau nên phía ông T có cho bà Trần Thị L vay hai lần tiền cụ thể như sau: Vào ngày 04/10/2022 phía ông T có cho bà L vay số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 04/12/2022 trả lại vốn vay, khi vay phía bà L có làm giấy mượn tiền và có ký tên ghi họ tên vào giấy mượn tiền. Ngày 24/11/2022 phía ông T có cho bà L vay tiếp số tiền là

30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 04/12/2022 trả lại vốn vay, khi vay phía bà L có làm giấy mượn tiềnvà có ký tên ghi họ tên vào giấy mượn tiền. Sau khi vay phía bà L không trả vốn và lãi theo đúng thỏa thuận. Phía ông T có đòi nhiều lần nhưng bà L hẹn trả nhưng không trả. Nay phía ông T yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiến vốn vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Trần Thị L dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn bà Trần Thị L. Xét thấy, bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn bà L.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thanh T có đại diện theo ủy quyền bà Tạ Kim T: yêu cầu phía bị đơn bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiến vốn vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn ông T yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T xác định phía ông T có cho bà L vay hai lần tiền vào ngày 04/10/2022 vay số tiền là 20.000.000 đồng và ngày 24/11/2022 vay số tiền là 30.000.000 đồng; phía bà L có làm giấy mượn tiền, có ký tên và ghi họ tên vào 02 giấy mượn tiền. Sau khi vay phía bà L không trả vốn và lãi theo đúng thỏa thuận, nên phía ông T có đòi nhiều lần nhưng bà L hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay. Phía nguyên đơn ông T cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho bà L vay tiền cụ thể là 02 giấy mượn tiền bản gốc, bà L có ký tên và ghi họ tên vào 02 giấy mượn tiền, nên yêu cầu của ông T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôn nay phía nguyên đơn ông Trần Thanh T có đại diện theo ủy quyền bà Tạ Kim T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Đối với phía bị đơn bà Trần Thị L dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn bà L đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn ông T đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn bà L phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn bà L đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vốn vay đối với yêu cầu khởi

kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn bà L đã thừa nhận số tiền vốn vay còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn bà L phải có nghĩa vụ trả nên bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn bà L cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T, nên phía bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía ông T là 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh T có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T.

Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Trần Thanh T 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018770 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Trần Thị L thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.